

Thông số kỹ thuật

Models	S-80 X		S-85	
Thang đo	US	Metric	US	Metric
Chiều cao làm việc tối đa*	86 ft	26.38 m	91 ft	27.91 m
Chiều cao tới sàn tối đa	80 ft	24.38 m	85 ft	25.91 m
Tầm với ngang tối đa	71 ft 6 in	21.79 m	76 ft 6 in	23.32 m
Tầm với âm	6 ft 1 in	1.85 m	9 ft 6 in	2.90 m
A Chiều dài sàn thao tác - 8 ft	3 ft	0.91 m	3 ft	0.91 m
Chiều dài sàn thao tác - 6 ft	2 ft 6 in	0.76 m	2 ft 6 in	0.76 m
B Chiều rộng sàn thao tác - 8 ft	8 ft	2.44 m	8 ft	2.44 m
Chiều rộng sàn thao tác - 6 ft	6 ft	1.83 m	6 ft	1.83 m
C Chiều cao xếp gọn	9 ft 2 in	2.80 m	9 ft 2 in	2.80 m
D Chiều dài xếp gọn	36 ft 10 in	11.23 m	40 ft 4 in	12.29 m
Chiều dài vận chuyển (cần phụ gập dưới)	—	—	38 ft 4 in	11.68 m
E Chiều rộng	8 ft 2 in	2.49 m	8 ft 2 in	2.49 m
F Khoảng cách giữa trục bánh xe	9 ft 4 in	2.85 m	9 ft 4 in	2.85 m
G Khoảng trống gầm xe tại tâm	15.8 in	0.40 m	15.8 in	0.40 m

Hiệu suất

Khả năng tải	500 lb/ 1000 lb	227 kg/ 454 kg	500 lbs	227 kg
Góc quay sàn thao tác	160°		160°	
Góc quay của cần phụ thẳng đứng	—		135°	
Góc quay của mâm xoay	360° liên tục		360° liên tục	
Phần đuôi của thiết bị	5 ft	1.52 m	5 ft	1.52 m
Tốc độ lái khi xếp gọn - 2WD/4WD	3.3 mph	5.4 km/h	3.3 mph	5.4 km/h
- khi nâng, ra cần	0.65 mph	1.0 km/h	0.65 mph	1.0 km/h
Khả năng leo dốc khi xếp gọn- 2WD **	30%		30%	
- 4WD **	45%		45%	
Bán kính quay - bên trong	12 ft	3.66 m	12 ft	3.66 m
bên ngoài	21 ft 6 in	6.55 m	21 ft 6 in	6.55 m
Điều khiển	12 V DC tương thích		12 V DC tương thích	
Lớp địa hình	Lớp bọt 18-625, 16 ply		Lớp bọt 18-625, 16 ply	

Năng lượng

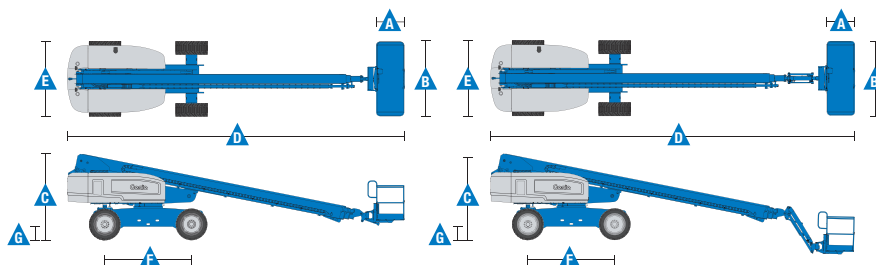
Nguồn năng lượng	74 hp (55.18 kW) Deutz turbo T4f TD2.9L4 74 hp (55.18 kW) Deutz turbo diesel T4i TD2011L04i 58 hp (43.25 kW) Perkins turbo diesel T4i 404D-22T 70 hp (52.2 kW) GM gas/LPG 3.0L			
Nguồn dự phòng	12V DC		12V DC	
Thể tích bình thủy lực	40 gal	151 L	40 gal	151 L
Thể tích bình nhiên liệu- diesel	35 gal	132 L	35 gal	132 L
- xăng/LPG	30 gal	114 L	30 gal	114 L

Trọng lượng***

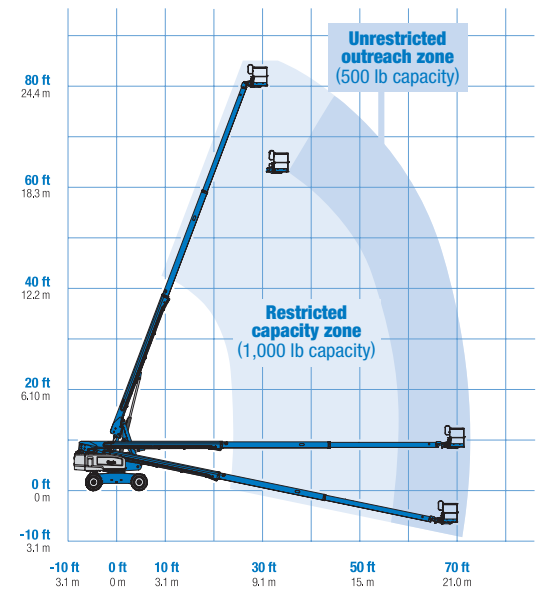
2WD	35,400 lbs	16,057 kg	37,900 lbs	17,191 kg
4WD	35,500 lbs	16,103 kg	38,000 lbs	17,237 kg

Tiêu chuẩn

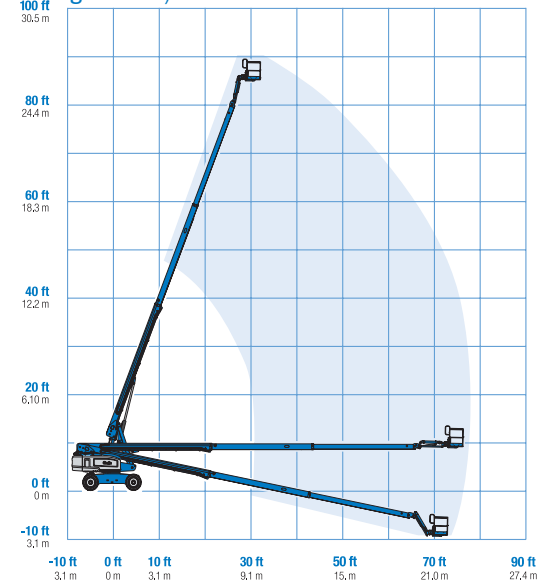
ANSI A92.5, CSA B354.4, EN 280, AS 1418.10



Biểu đồ hoạt động cần Boom S-80 X



Biểu đồ hoạt động cần Boom S-85 (tải trọng 500 lb)



* Chiều cao làm việc được tính bằng cách đối với hệ m cộng thêm 2m vào chiều cao tới sàn, với hệ feet US là cộng thêm 6ft.
** Khả năng leo dốc được áp dụng khi di chuyển lên trên dốc. Xem phần hướng dẫn vận hành để biết thêm tỉ lệ độ dốc.
*** Trọng lượng tùy thuộc vào các lựa chọn và/hoặc tiêu chuẩn của quốc gia.

Genie United States

6464 185th Ave. NE
Redmond, WA 98052
Telephone +1 (425) 881-1800
www.genielift.com

Phân phối bởi: TUYET NGA CO., LTD

Vietnam Rental
A TNC BRAND

www.vietnamrental.com.vn